



Hướng dẫn sử dụng  
Máy giặt sấy

AWD10-BP4377U1L

**AQUA**

# Lời cảm ơn

Cảm ơn bạn đã mua sản phẩm của AQUA.

Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn này trước khi sử dụng thiết bị. Hướng dẫn này chứa thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng thiết bị một cách hiệu quả nhất và đảm bảo việc lắp đặt, sử dụng cũng như bảo trì được thực hiện đúng cách và an toàn.

Vui lòng cất giữ hướng dẫn này ở nơi thuận tiện để có thể tham khảo bất cứ lúc nào nhằm đảm bảo sử dụng thiết bị được an toàn và đúng cách.

Nếu bạn bán, tặng hoặc để lại thiết bị khi chuyển nhà, hãy đảm bảo bàn giao kèm theo hướng dẫn sử dụng này để người sử dụng mới có thể làm quen với thiết bị và các cảnh báo về an toàn.

## Chú thích



Cảnh báo – Thông tin quan trọng về an toàn



Thông tin chung và mẹo hữu ích



Thông tin về môi trường



## Thải bỏ thiết bị

Hãy góp phần bảo vệ môi trường và sức khỏe con người. Bỏ bao bì vào các thùng chứa phù hợp để tái chế. Hỗ trợ tái chế rác thải thiết bị điện và điện tử. Không được thải bỏ các thiết bị có ký hiệu này cùng với rác thải sinh hoạt. Hãy đưa sản phẩm đến cơ sở tái chế tại địa phương hoặc liên hệ với văn phòng chính quyền địa phương để được hướng dẫn.



## CẢNH BÁO!

### Nguy cơ bị thương hoặc ngạt thở!

Ngắt thiết bị khỏi nguồn điện. Cắt dây nguồn và tiêu hủy cả dây nguồn. Để tránh trường hợp trẻ em và vật nuôi bị kẹt trong máy, hãy tháo chốt cửa.

|                                    |    |
|------------------------------------|----|
| 1-Thông tin về an toàn .....       | 4  |
| 2-Mô tả sản phẩm .....             | 7  |
| 3-Bảng điều khiển .....            | 8  |
| 4-Chương trình .....               | 12 |
| 5-Mức tiêu thụ.....                | 13 |
| 6-Sử dụng hằng ngày .....          | 14 |
| 7-Hướng dẫn sử dụng Ứng dụng ..... | 19 |
| 8-Giặt tiết kiệm.....              | 20 |
| 9-Vệ sinh và bảo dưỡng .....       | 21 |
| 10-Xử lý sự cố.....                | 24 |
| 11-Lắp đặt.....                    | 29 |
| 12-Thông số kỹ thuật.....          | 33 |

# 1 - Thông tin về an toàn

Trước khi bật thiết bị lần đầu tiên, hãy đọc các lưu ý an toàn sau!



## CẢNH BÁO!

### Trước khi sử dụng lần đầu

- ▶ Đảm bảo thiết bị không bị hư hại trong quá trình vận chuyển.
- ▶ Đảm bảo đã tháo hết các bu lông vận chuyển.
- ▶ Tháo bỏ toàn bộ bao bì và để ngoài tầm với của trẻ em.
- ▶ Luôn vận chuyển và di chuyển thiết bị bằng ít nhất hai người vì thiết bị khá nặng.

### Sử dụng hàng ngày

- ▶ Thiết bị này không dành cho những người (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm khả năng thể chất, giác quan hoặc thần kinh, hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức, trừ khi có sự giám sát hoặc hướng dẫn sử dụng thiết bị từ những người chịu trách nhiệm về sự an toàn của họ.
- ▶ Cần giám sát trẻ để đảm bảo trẻ không đùa nghịch với thiết bị.
- ▶ Không để trẻ em hoặc vật nuôi lại gần thiết bị khi cửa đang mở.
- ▶ Cất giữ chất giặt tẩy ngoài tầm với của trẻ em.
- ▶ Kéo khóa kéo, buộc các sợi chỉ lỏng và chú ý đến các vật nhỏ để quần áo không bị vướng vào nhau. Nếu cần, hãy sử dụng túi lưới hoặc túi chuyên dụng phù hợp.
- ▶ Không chạm vào hoặc sử dụng thiết bị khi đang đi chân trần hoặc khi tay/chân ướt hoặc ẩm.
- ▶ Không phủ hoặc bọc kín thiết bị trong quá trình vận hành hoặc ngay sau đó, để hơi ẩm có thể thoát ra ngoài.
- ▶ Không đặt vật nặng, nguồn nhiệt hoặc vật ẩm lên trên mặt thiết bị.
- ▶ Không sử dụng hoặc cất giữ chất giặt tẩy dễ cháy hoặc hóa chất giặt khô gần thiết bị.
- ▶ Không sử dụng bất kỳ loại bình xịt dễ cháy nào ở khu vực gần thiết bị.
- ▶ Không giặt các loại quần áo đã xử lý bằng dung môi trong thiết bị nếu chưa được phơi khô trong không khí trước đó.



## CẢNH BÁO!

### Sử dụng hàng ngày

- ▶ Không rút hoặc cắm phích khi có sự hiện diện của khí dễ cháy.
- ▶ Không giặt nước nóng với các vật liệu như mút xốp hoặc cao su bọt.
- ▶ Không giặt quần áo bị nhiễm bột mì trong thiết bị.
- ▶ Không mở ngăn chứa chất giặt trong chu trình giặt.
- ▶ Không chạm vào cửa máy trong quá trình giặt vì cửa có thể bị nóng.
- ▶ Không mở cửa nếu mực nước còn cao hơn ô cửa sổ máy giặt.
- ▶ Không cưỡng bức mở cửa. Cửa được trang bị thiết bị tự khóa và sẽ mở ngay sau khi quy trình giặt kết thúc.
- ▶ Tắt thiết bị sau mỗi chương trình giặt và trước khi thực hiện bất kỳ bảo trì định kỳ nào và ngắt thiết bị khỏi nguồn điện để tiết kiệm điện và đảm bảo an toàn.
- ▶ Khi rút điện, hãy cắm vào phích cắm chứ không kéo dây điện.

### Bảo trì / vệ sinh

- ▶ Đảm bảo có người lớn giám sát nếu trẻ em thực hiện việc vệ sinh hoặc bảo trì thiết bị.
- ▶ Ngắt nguồn điện trước khi thực hiện bất kỳ hoạt động bảo trì định kỳ nào.
- ▶ Giữ cho phần dưới của cửa sổ máy giặt sạch sẽ và mở cửa máy cùng ngăn chứa chất giặt khi không sử dụng thiết bị để tránh mùi hôi.
- ▶ Không sử dụng vòi xịt nước hoặc hơi nước để vệ sinh thiết bị.
- ▶ Chỉ nhà sản xuất, đại lý dịch vụ hoặc người có trình độ chuyên môn tương đương mới được thay thế dây nguồn hư hỏng để tránh nguy hiểm.
- ▶ Không tự ý sửa chữa thiết bị. Vui lòng liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng khi cần sửa chữa.

### Lắp đặt

- ▶ Đặt thiết bị ở nơi thông thoáng. Đảm bảo vị trí lắp đặt cho phép mở cửa máy hoàn toàn.
- ▶ Tuyệt đối không lắp đặt thiết bị ngoài trời, tại nơi ẩm ướt hoặc khu vực có nguy cơ bị rò rỉ nước như phía dưới hoặc gần bồn rửa. Trong trường hợp rò rỉ nước, hãy ngắt nguồn điện và để máy khô tự nhiên.

# 1 - Thông tin về an toàn



## CẢNH BÁO!

### Lắp đặt

- ▶ Chỉ lắp đặt hoặc sử dụng thiết bị ở nơi có nhiệt độ trên 5 °C.
- ▶ Không đặt thiết bị trực tiếp trên thảm, quá sát tường hoặc đồ nội thất.
- ▶ Không lắp đặt thiết bị dưới ánh nắng trực tiếp hoặc gần các nguồn nhiệt (ví dụ: bếp, lò sưởi).
- ▶ Đảm bảo thông tin điện áp trên nhãn thiết bị phù hợp với nguồn cấp điện. Nếu không phù hợp, hãy liên hệ thợ điện.
- ▶ Không sử dụng ổ cắm nhiều thiết bị hoặc dây nối dài.
- ▶ Đảm bảo chỉ sử dụng dây điện và bộ ống dẫn được cung cấp kèm theo thiết bị.
- ▶ Đảm bảo không làm hỏng dây điện và phích cắm. Nếu bị hư hỏng, hãy nhờ thợ điện có chuyên môn thay thế.
- ▶ Sử dụng ổ cắm nối đất riêng biệt để cấp nguồn, và đảm bảo ổ cắm dễ tiếp cận sau khi lắp đặt. Thiết bị phải được nối đất.

### Mục đích sử dụng

Máy giặt này chỉ dùng để giặt các loại quần áo có thể giặt bằng máy. Luôn tuân theo hướng dẫn ghi trên nhãn của từng loại quần áo. Thiết bị này chỉ dành riêng cho mục đích sử dụng gia đình, bên trong nhà. Không dùng cho mục đích thương mại hoặc công nghiệp.

Không được phép thay đổi hoặc sửa đổi thiết bị. Việc sử dụng sai mục đích có thể gây nguy hiểm và dẫn đến mất hiệu lực bảo hành cũng như mọi quyền yêu cầu bồi thường.

## 2-Mô tả sản phẩm

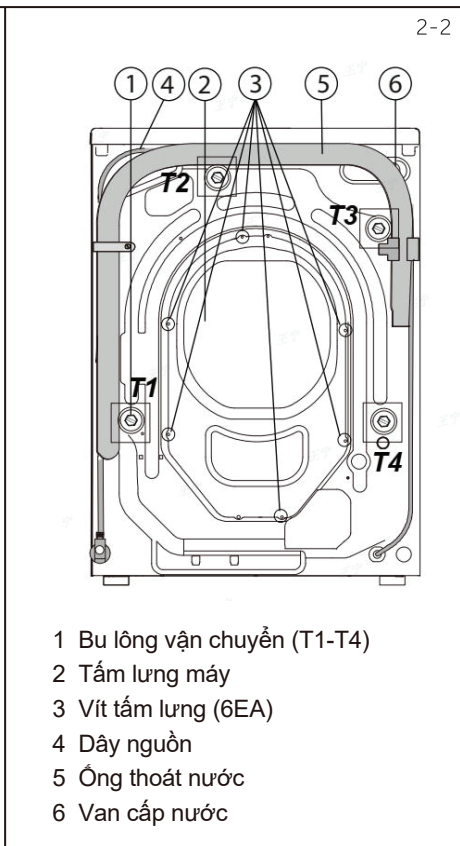
### Lưu ý:

Do có sự thay đổi về mặt kỹ thuật và sự khác biệt giữa các mẫu máy, các hình minh họa trong các chương tiếp theo có thể khác mẫu máy của bạn.

### 2.1 Hình ảnh thiết bị

Mặt trước (Hình 2-1):

Mặt sau (Hình 2-2):



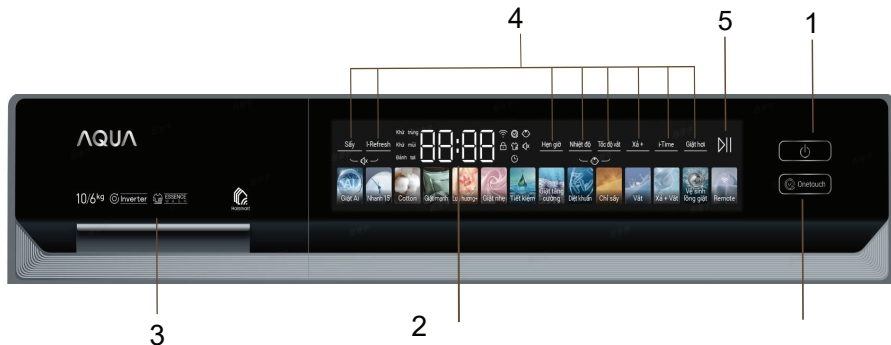
### 2.2 Phụ kiện

Kiểm tra phụ kiện và tài liệu theo danh sách sau (Hình 2-3):



## 3-Bảng điều khiển

3-1



1 Nút "Power"

3 Ngăn chứa nước/bột giặt và nước xả

5 Nút "Start/Pause"

2 Màn hình thị

4 Nút chức năng

6 Nút Onetouch



### Lưu ý: Tín hiệu âm thanh

Trong các trường hợp sau, thiết bị sẽ phát ra tín hiệu âm thanh:

- khi nhấn nút
- khi kết thúc chương trình
- khi xảy ra sự cố

Có thể tắt tín hiệu âm thanh, nếu cần; xem chi tiết trong mục SỬ DỤNG HÀNG NGÀY.

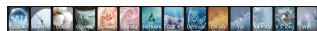
3-2



### 3.1 Nút "Power" (Nguồn)

Chạm nhẹ nút này (Hình 3-2) để bật máy, màn hình sẽ sáng. Nhấn lại nút này khoảng 2 giây để tắt máy. Nếu người dùng không thao tác bất kỳ nút nào hoặc không kích hoạt chương trình nào sau một thời gian, máy sẽ tự động tắt.

3-3



### 3.2 Nút chọn chương trình

Chạm vào bảng điều khiển chính (Hình 3-3), bạn có thể chọn một trong 14 chương trình giặt, đèn LED tương ứng sẽ nhấp nháy.

3-4



### 3.3 Màn hình thị

Màn hình hiển thị (Hình 3-4) cung cấp các thông tin sau:

- Thời gian giặt/sấy
- Hẹn giờ kết thúc
- Trạng thái khóa cửa
- Khóa trẻ em

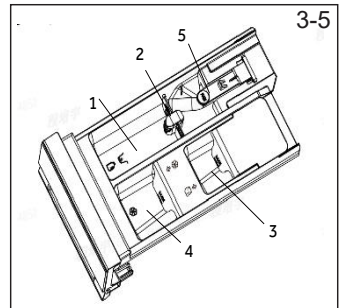
## 3-Bảng điều khiển

| Biểu tượng                                                                        | Ý nghĩa                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|  | Thiết bị đã kết nối với Wi-Fi. |
|  | Onetouch.                      |
|  | Khóa trẻ em.                   |
|  | Cửa máy đã khóa.               |
|  | Sấy.                           |
|  | Âm báo.                        |
|  | Hẹn giờ.                       |

### 3.4 Ngăn chứa bột/nước giặt

Khi mở ngăn chứa bột/nước giặt, bạn sẽ thấy các bộ phận sau (xem Hình 3-5):

- 1: Ngăn chứa bột giặt hoặc nước giặt.
- 2: Nút gạt chọn loại chất giặt: nâng lên khi dùng bột giặt, để xuống khi dùng nước giặt.
- 3: Cho một lượng nhỏ bột giặt.
- 4: Ngăn chứa nước xả vải.
- 5: Chốt khóa, nhấn xuống để kéo ngăn chứa ra ngoài. Để biết khuyến nghị về loại chất giặt phù hợp với từng mức nhiệt độ giặt, vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng của từng loại chất giặt.



### 3.5 Nút chức năng

Các nút chức năng (Hình 3-6) cho phép cài đặt thêm các tùy chọn trong chương trình đã chọn trước khi chương trình bắt đầu. Đèn báo liên quan sẽ hiển thị tương ứng. Nếu một nút có nhiều tùy chọn, có thể chạm vào nút đó nhiều lần để chọn tùy chọn mong muốn.



### Lưu ý: Cài đặt nhà máy

Để đạt hiệu quả tối ưu cho từng chương trình, Haier đã thiết lập các cài đặt mặc định phù hợp. Trừ khi có yêu cầu đặc biệt, nên sử dụng các cài đặt mặc định được khuyến nghị.

#### 3.5.1 Nút chức năng “Hẹn giờ”

Nhấn vào nút này (Hình 3-7) bắt đầu chương trình sau một khoảng thời gian. Nút hẹn giờ thời gian kết thúc tăng theo từng bước 30 phút, từ 0 đến 24 giờ. Khi bạn chọn hẹn giờ, tổng thời

3-7

Hẹn giờ

## 3-Bảng điều khiển

gian sẽ mặc định dài hơn thời gian chạy của chương trình. Ví dụ: hiển thị 6:30 nghĩa là chu trình giặt sẽ kết thúc sau 6 giờ 30 phút.

Nhấn nút “Start”  để kích hoạt chức năng hẹn giờ.

**Nhiệt độ**

3-8

### 3.5.2 Nút chức năng “Nhiệt độ”

Nhấn vào nút này (Hình 3-8) để thay đổi nhiệt độ nước giặt của chương trình. Nếu không có giá trị nào sáng, nước sẽ không được làm nóng.

**Tốc độ vắt**

3-9

### 3.5.3 Nút chức năng “Tốc độ vắt”

Nhấn nút này (Hình 3-9) để thay đổi hoặc bỏ chọn chế độ vắt của chương trình. Nếu không có giá trị nào sáng, quần áo sẽ không được vắt.

**Xả +**

3-10

### 3.5.4 Nút “Xả+”

Nhấn nút này (Hình 3-10) để tăng cường chu trình xả bằng nước sạch cho quần áo. Chức năng này được khuyến nghị cho người có làn da nhạy cảm.

Khi nhấn nút này nhiều lần, bạn có thể chọn thêm từ 0 đến 2 lần xả. Các tùy chọn sẽ hiển thị trên màn hình dưới dạng: P--0/P--1/P--2.



### Lưu ý: Về nước giặt

Nếu sử dụng nước giặt, không nên kích hoạt chức năng hẹn giờ kết thúc.

**i-Time**

3-11

### 3.5.5 Nút “i-Time”

Nút này (Hình 3-11) kéo dài thời gian giặt ở các mức độ khác nhau. Không phải tất cả các chương trình giặt đều có thể sử dụng chức năng này. Vui lòng xem trang 8 để biết các chương trình có thể chọn chức năng này.

**Giặt hơi**

3-12

### 3.5.6 Nút “Giặt hơi”

Nhấn nút này (Hình 3-12) để chọn chương trình giặt bằng hơi nước. Khi được chọn, nhiệt độ của chương trình hiện tại sẽ được điều chỉnh lên mức tối đa cho phép.

## 3-Bảng điều khiển

Có thể xem giá trị nhiệt độ tối đa trong bảng thông số kỹ thuật của sách hướng dẫn. Biểu tượng hơi nước sẽ sáng lên khi chức năng giặt hơi được kích hoạt.

### 3.5.7 Nút “Sấy”

Nhấn nút này (Hình 3-13) để thay đổi hoặc bỏ chọn chế độ sấy của chương trình. Nếu không có giá trị nào sáng, quần áo sẽ không được sấy.



### 3.5.8 Nút “I-Refresh”

Nhấn nút “I-Fresh” này (Hình 3-14) để chọn chương trình, biểu tượng i-Fresh sẽ sáng lên. Chức năng này dùng để khử trùng, khử mùi và đánh tơi quần áo.



Khử trùng Sterilization

Khử mùi Deodorization

Đánh tơi Fluffiness

### 3.6 Nút “Start/Pause”

Nhấn nhẹ nút này (Hình 3-15) để bắt đầu hoặc tạm dừng chương trình đang hiển thị. Trong quá trình giặt, nếu nhấn nút này và cửa có thể mở được, bạn có thể thêm đồ và tiếp tục chu trình giặt và ngược lại (Nên sử dụng chức năng “Add Item” (Thêm đồ) trong giai đoạn giặt)



### 3.7 Nút “Onetouch”

Nhấn và giữ nút “Onetouch” 3 giây (Hình 3-16) để chạy trực tiếp chương trình “giặt AI”.



### 3.8 Nút “Khóa trẻ em”

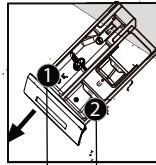
Nhấn đồng thời hai nút “Nhiệt độ” và “Tốc độ vắt” (Hình 3-17) trong 3 giây để khóa toàn bộ bảng điều khiển. Để mở khóa, nhấn lại cùng lúc hai nút trên. Khi chức năng khóa trẻ em được kích hoạt, đèn báo tương ứng sẽ sáng. Có thể kích hoạt tính năng này bất kỳ lúc nào trong quá trình máy đang vận hành.

Màn hình hiển thị cLoT (Hình 3-18) nếu nhấn nút thì có nghĩa là khóa trẻ em đã được kích hoạt. Thay đổi sẽ không được thực hiện.



# 4-Chương trình

Tùy chọn, / Không



Ngăn chứa chất giặt

① Bột giặt/Nước giặt

② Nước xả vải hoặc sản phẩm chăm sóc

| Chương trình           | Tải trọng tối đa |          | Nhiệt độ tính (°C) <sup>1)</sup> |         |   |   | Loại vải        | Tốc độ vắt đặt sẵn (v/ph) |           |     |      |         |        |          |
|------------------------|------------------|----------|----------------------------------|---------|---|---|-----------------|---------------------------|-----------|-----|------|---------|--------|----------|
|                        | giặt (kg)        | sấy (kg) | khoảng lựa chọn                  | Đặt sẵn | 1 | 2 |                 |                           | I-Refresh | Sấy | Xả + | Hẹn giờ | i-Time | Giặt hơi |
| Giặt AI                | 10               | 6        | *tới 60                          | 30      | • | • | /               | 1000                      | /         | •   | •    | •       | •      | •        |
| Nhanh 15 <sup>2)</sup> | 1                | 1        | *tới 40                          | *       | • | • | Cotton/tổng hợp | 1000                      | /         | •   | •    | •       | •      | •        |
| Cotton                 | 10               | 6        | *tới 90                          | 30      | • | • | Cotton          | 1000                      | •         | •   | •    | •       | •      | •        |
| Giặt mạnh              | 5                | 3        | *tới 60                          | 30      | • | • | Cotton/tổng hợp | 1000                      | •         | •   | •    | •       | •      | •        |
| Lưu hương+             | 10               | 6        | *tới 60                          | *       | • | • | Cotton/tổng hợp | 1000                      | /         | •   | •    | •       | •      | •        |
| Giặt nhẹ               | 10               | 6        | *tới 30                          | 30      | • | • | Cotton/tổng hợp | 600                       | /         | /   | •    | •       | •      | /        |
| Tiết kiệm              | 5                | /        | *tới 30                          | *       | • | • | Cotton          | 800                       | /         | /   | •    | •       | •      | /        |
| Giặt+                  | 10               | 6        | *tới 90                          | 30      | • | • | Cotton/tổng hợp | 1000                      | /         | •   | •    | •       | •      | •        |
| Diệt khuẩn             | 10               | 6        | /                                | /       | • | • | Cotton/tổng hợp | 1000                      | /         | •   | •    | •       | /      | •        |
| Chỉ sấy                | /                | 6        | /                                | /       | / | / | Cotton/tổng hợp | /                         | /         | •   | /    | /       | /      | /        |
| Vắt                    | 10               | 6        | /                                | /       | / | / | Cotton/tổng hợp |                           | /         | •   | /    | /       | /      | /        |
| Xả + Vắt               | 5                | 3        | /                                | /       | / | • | Cotton/tổng hợp | 1000                      | /         | •   | •    | /       | /      | /        |
| V.S.Íống <sup>3)</sup> | /                | /        | */90                             | 90      | / | / | /               | /                         | /         | •   | /    | /       | /      | /        |
| WIFI                   | /                | /        | /                                | /       | / | / | Cotton/tổng hợp | /                         | /         | /   | /    | /       | /      | /        |
| Onetouch               | 10               | 6        | *tới 60                          | 30      | • | • | Cotton/tổng hợp | 1000                      | /         | •   | •    | •       | •      | •        |

1) \*: Nước sẽ không được làm nóng.

Chỉ chọn nhiệt độ giặt 90°C khi có yêu cầu vệ sinh đặc biệt ;

2) Chỉ giặt tối đa 1 món đồ người lớn hoặc cồng kềnh, và tối đa 3 món đồ trẻ em trong một lần giặt;  
3) Khi giặt đồ nặng, nếu quần áo bị quần vào nhau, máy giặt có thể rung lắc mạnh hoặc bị dịch chuyển.

Thiết kế và thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước để nâng cao chất lượng.

Không dùng nước giặt thay cho dung dịch vệ sinh máy chuyên dụng.

- 4) Phù hợp với quần áo bằng cotton, vải lanh và sợi tổng hợp. Dựa vào trọng lượng quần áo, máy giặt sẽ tự động thiết lập lượng nước, thời gian giặt, v.v. để đạt hiệu quả giặt tối ưu.

Phương pháp vận hành 1: Khi máy chưa bật nguồn, dây nguồn đã cắm và cửa máy giặt đã đóng, nhấn giữ nút "One touch" trong 3 giây. Máy giặt sẽ khởi động, cửa sẽ khóa, đèn biểu tượng "Onetouch" sẽ sáng và chương trình mặc định sẽ bắt đầu chạy.

Phương pháp vận hành 2: Ở chế độ chờ, nhấn nút "Onetouch" một lần để chọn chương trình mặc định. Lúc này biểu tượng sẽ nhấp nháy. Trước khi chương trình bắt đầu, bạn có thể điều chỉnh các chức năng. Nhấn nút start để chạy chương trình.

Phương pháp vận hành 3: Ở chế độ chờ, nhấn giữ nút "One touch" trong 3 giây. Cửa sẽ khóa, biểu tượng "Onetouch" sáng và chương trình mặc định sẽ bắt đầu chạy.

Các giá trị tiêu thụ được chỉ định có thể thay đổi tùy theo điều kiện thực tế tại địa phương.  
Chương trình kiểm tra: Cotton:-- °C



### Lưu ý: Tính năng Tự động cân

Thiết bị được trang bị chức năng nhận diện khối lượng giặt. Khi lượng đồ giặt ít, máy sẽ tự động giảm tiêu thụ điện năng, nước và thời gian giặt trong một số chương trình. Màn hình sẽ hiển thị **AUEO**.

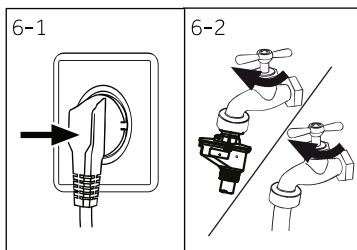
# 6-Sử dụng hằng ngày

## 6.1 Nguồn điện

Kết nối máy giặt với nguồn điện (220V~/50Hz; Hình 6-1). Vui lòng tham khảo mục LẮP ĐẶT (xem trang 29).

## 6.2 Kết nối nước

- ▶ Trước khi kết nối, hãy kiểm tra độ sạch và độ trong của nguồn nước cấp.
- ▶ Mở vòi nước (Hình 6-2).

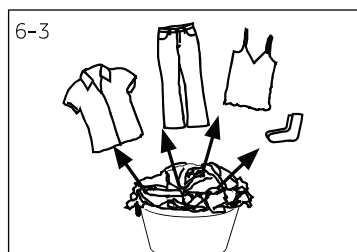


## Lưu ý: Độ kín nước

Trong khi sử dụng, hãy kiểm tra xem có rò rỉ tại các khớp nối giữa vòi nước và ống cấp hay không bằng cách mở vòi.

## 6.3 Chuẩn bị đồ giặt

- ▶ Phân loại quần áo theo loại vải (cotton, tổng hợp, len, lụa, v.v.) và mức độ bẩn (Hình 6-3). Chú ý đến các nhãn hướng dẫn giặt trên quần áo.
- ▶ Tách riêng quần áo trắng và quần áo màu. Với đồ màu, nên giặt tay lần đầu để kiểm tra độ phai màu.
- ▶ Lộn túi quần áo (chìa khóa, tiền xu, v.v.) và tháo bỏ các vật trang trí cứng (ví dụ: ghim cài).
- ▶ Những món đồ không có đường viền, đồ mỏng hoặc vải dệt mịn như rèm mỏng nên cho vào túi giặt – tốt nhất nên giặt tay hoặc giặt khô.
- ▶ Đóng khóa kéo, cài nút và móc, đảm bảo các nút được may chắc chắn.
- ▶ Cho các món đồ nhạy cảm như đồ lót mỏng, tất, thắt lưng, áo ngực, v.v. vào túi giặt.
- ▶ Trải phẳng các món đồ lớn như ga trải giường, chăn phủ, v.v.
- ▶ Lộn trái quần jean, quần áo in hình, trang trí hoặc có màu đậm; nếu cần, nên giặt riêng.



## THẬN TRỌNG!

Các vật không phải là vải, cũng như các vật nhỏ, rời hoặc có cạnh sắc có thể gây sự cố và làm hỏng quần áo cũng như thiết bị.

# 6-Sử dụng hằng ngày

## Bảng ký hiệu chăm sóc quần áo

| Giặt                                                                                                                                |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  Có thể giặt ở nhiệt độ lên đến 95°C, chế độ thường |  Có thể giặt ở nhiệt độ lên đến 60°C, chế độ thường |  Có thể giặt ở nhiệt độ lên đến 60°C, chế độ nhẹ                                                        |
|  Có thể giặt ở nhiệt độ lên đến 40°C, chế độ thường |  Có thể giặt ở nhiệt độ lên đến 40°C, chế độ nhẹ    |  Có thể giặt ở nhiệt độ lên đến 40°C, chế độ rất nhẹ                                                    |
|  Có thể giặt ở nhiệt độ lên đến 30°C, chế độ thường |  Có thể giặt ở nhiệt độ lên đến 30°C, chế độ nhẹ    |  Có thể giặt ở nhiệt độ lên đến 30°C, chế độ rất nhẹ                                                    |
|  Giặt tay, tối đa 40°C                              |  Không được giặt                                    |                                                                                                                                                                                          |
| Tẩy                                                                                                                                 |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                          |
|  Cho phép mọi loại chất tẩy                         |  Chỉ chất tẩy oxi / không chứa clo                  |  Không được tẩy                                                                                         |
| Sấy                                                                                                                                 |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                          |
|  Có thể sấy bằng máy, nhiệt độ bình thường          |  Có thể sấy bằng máy, nhiệt độ thấp                 |  Không được sấy bằng máy                                                                                |
|  Phơi trên dây                                      |  Phơi trên mặt phẳng                                |                                                                                                                                                                                          |
| Là (ủi)                                                                                                                             |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                          |
|  Là (ủi) ở nhiệt độ tối đa tới 200°C                |  Là (ủi) ở nhiệt độ trung bình tới 150°C            |  Là (ủi) ở nhiệt độ thấp tới 110°C; không dùng hơi nước (ủi hơi có thể gây hư hỏng không thể khôi phục) |
|  Không được là (ủi)                                 |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                          |
| Chăm sóc vải chuyên nghiệp                                                                                                          |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                          |
|  Giặt khô bằng tetrachloroethylene                |  Giặt khô bằng hydrocacbon                        |  Không giặt khô                                                                                       |
|  Giặt ướt chuyên nghiệp                           |  Không giặt ướt chuyên nghiệp                     |                                                                                                                                                                                          |

## 6.4 Cho đồ giặt vào máy giặt

- ▶ Cho từng chiếc quần áo vào máy giặt.
- ▶ Không cho quá tải. Lưu ý giới hạn khối lượng giặt tối đa tùy theo từng chương trình!  
Nguyên tắc chung: Giữ khoảng cách 15 cm (6 inch) giữa đồ giặt và trần của lồng giặt.
- ▶ Đóng cửa máy cẩn thận. Đảm bảo không có món đồ nào bị kẹt ở mép cửa.

## 6-Sử dụng hằng ngày

### 6.5 Chọn bột/nước giặt

- ▶ Hiệu quả giặt phụ thuộc vào chất lượng của bột/nước giặt được sử dụng.
- ▶ Chỉ sử dụng các loại bột/nước giặt được phê duyệt dùng cho máy giặt.
- ▶ Nếu cần, hãy chọn loại bột/nước giặt chuyên dụng cho từng loại vải, ví dụ: vải tổng hợp hoặc len.
- ▶ Luôn tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất bột/nước giặt.
- ▶ Không sử dụng các chất giặt khô như trichloroethylene hoặc các sản phẩm tương tự.

Hãy lựa chọn bột/nước giặt phù hợp nhất.

| Chương trình | Loại chất giặt |     |     |             |             |
|--------------|----------------|-----|-----|-------------|-------------|
|              | Phổ thông      | Màu | Nhẹ | Chuyên dụng | Nước xả vải |
| Giặt AI      | √              | √   | -   | -           | √           |
| Nhanh 15'    | L              | √L  | -   | -           | √           |
| Cotton       | √              | √   | -   | -           | √           |
| Giặt mạnh    | √P             | √   | -   | -           | √           |
| Lưu hương+   | √              | √   | -   | -           | √           |
| Giặt nhẹ     | -              | -   | √   | √           | √           |
| Tiết kiệm    | √              | √   | -   | √           | -           |
| Giặt+        | √              | √   | -   | √           | -           |
| Diệt khuẩn   | √              | √   | -   | -           | √           |
| Chỉ sấy      | -              | -   | -   | -           | -           |
| Vắt          | -              | -   | -   | -           | -           |
| Xả+Vắt       | -              | -   | -   | -           | √           |
| V.S.lồng     | -              | -   | -   | √           | -           |
| Wifi         | -              | -   | -   | -           | -           |

L = nước giặt/gel      P = bột giặt      O = tùy chọn      - = không

√ = Khuyến nghị

Nếu sử dụng nước giặt, không nên kích hoạt chức năng hẹn giờ.

Chúng tôi khuyến nghị sử dụng như sau:

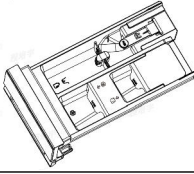
- ▶ Bột giặt: 20°C đến 90°C\* (nhiệt độ tốt nhất: 40-60°C).
- ▶ Chất giặt cho quần áo màu: 20°C đến 60°C (nhiệt độ tốt nhất: 30-60°C).
- ▶ Chất giặt cho đồ len/đồ mỏng: 20°C đến 30°C (nhiệt độ tốt nhất: 20-30°C).

\* Chỉ chọn nhiệt độ giặt 90°C khi có yêu cầu vệ sinh đặc biệt.

 Tốt hơn nên sử dụng bột giặt ít bột hoặc không tạo bọt.

## 6-Sử dụng hằng ngày

6-4



### 6.6 Cho nước/bột giặt vào máy

1. Kéo ngăn chứa bột/nước giặt ra.
2. Cho các loại hóa chất giặt cần thiết vào đúng ngăn tương ứng (Hình 6-4).
3. Đẩy nhẹ ngăn chứa trở lại vị trí ban đầu.



### Lưu ý:

- ▶ Loại bỏ cặn bột giặt còn sót lại trong ngăn trước chu trình giặt tiếp theo.
- ▶ Không sử dụng quá nhiều bột/nước giặt hoặc nước xả vải.
- ▶ Luôn tuân theo hướng dẫn sử dụng ghi trên bao bì sản phẩm giặt.
- ▶ Chỉ đổ chất giặt vào ngăn ngay trước khi bắt đầu chu trình giặt.
- ▶ Nước giặt đậm đặc phải được pha loãng trước khi cho vào ngăn số 2.
- ▶ Cách tốt nhất để dùng nước giặt là sử dụng bóng định lượng (dosing ball) và cho trực tiếp vào lồng giặt cùng quần áo.
- ▶ Không sử dụng nước giặt nếu bạn chọn chế độ “hẹn giờ kết thúc”.
- ▶ Hãy lựa chọn chương trình phù hợp dựa trên các biểu tượng chăm sóc trên nhãn quần áo và bảng chương trình giặt.

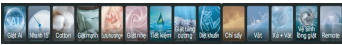
6-5



### 6.7 Bật máy

Chạm vào nút “Power” để bật máy (Hình 6-5).

6-6



### 6.8 Chọn chương trình

Để đạt hiệu quả giặt tối ưu, hãy chọn chương trình phù hợp với mức độ bẩn và loại vải của đồ giặt.

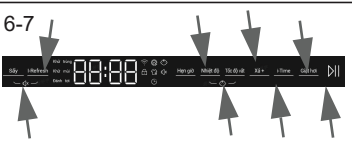
Xoay núm chọn chương trình (Hình 6-6) để lựa chọn chương trình phù hợp



### Lưu ý: Khử mùi

Trước khi sử dụng lần đầu, bạn nên chạy chương trình Vệ sinh lồng giặt (Drum Clean) không có đồ giặt với một lượng nhỏ nước giặt vào ngăn chứa chất giặt (ngăn số 2), hoặc dung dịch vệ sinh máy chuyên dụng, để loại bỏ các cặn bẩn có thể gây hỏng máy.

6-7



### 6.9 Thêm các tùy chọn cá nhân

Chọn các tùy chọn và thiết lập cần thiết (Hình 6-7); tham khảo phần BẢNG ĐIỀU KHIỂN.

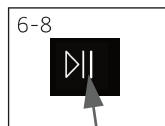
# 6-Sử dụng hằng ngày

## 6.10 Bắt đầu chương trình giặt

Chạm nút “Start/Pause” (Hình 6-8) để bắt đầu chương trình. Đèn LED của nút “Start/Pause” sẽ ngừng nhấp nháy và sáng liên tục.

Thiết bị sẽ hoạt động theo các thiết lập đã chọn trước đó.

Nếu muốn thay đổi cài đặt, bạn phải hủy chương trình hiện tại trước.



## 6.11 Tạm dừng / Hủy chương trình giặt

Để tạm dừng chương trình đang chạy, chạm nhẹ vào nút “Start/Pause”. Đèn LED phía trên nút sẽ nhấp nháy. Chạm lại nút này để tiếp tục chương trình.

Để hủy chương trình đang chạy và tắt cả các thiết lập đã chọn:

1. Chạm nút “Start/Pause” để tạm dừng chương trình hiện tại.
2. Xoay núm trực tiếp để chọn chương trình mới và bắt đầu.
3. Nếu mực nước hiện tại thấp hơn mực nước của chương trình mới, máy sẽ cấp thêm nước.

## 6.12 Sau khi giặt



### Lưu ý: Khóa cửa

- ▶ Vì lý do an toàn, cửa máy sẽ bị khóa một phần trong suốt chu trình giặt. Cửa chỉ có thể mở khi chương trình đã kết thúc hoặc khi bạn hủy chương trình đúng cách (xem hướng dẫn bên trên).
- ▶ Trong trường hợp mực nước cao, nhiệt độ nước cao hoặc trong quá trình vắt, cửa sẽ không thể mở được; màn hình sẽ hiển thị **Loc1-**.

1. Khi chương trình kết thúc, màn hình sẽ hiển thị biểu tượng **End**.
2. Thiết bị sẽ tự động tắt nguồn.
3. Lấy đồ giặt ra sớm nhất có thể để tránh nhăn.
4. Tắt nguồn cấp nước.
5. Rút phích cắm điện.
6. Mở cửa máy để tránh ẩm mốc và mùi hôi. Nên để cửa mở khi máy không sử dụng.



### Lưu ý: Chế độ chờ / chế độ tiết kiệm năng lượng

Khi máy được bật nhưng không có thao tác nào trong vòng 2 phút (trước khi bắt đầu chương trình hoặc sau khi kết thúc), máy sẽ tự động chuyển sang chế độ chờ. Màn hình sẽ tắt để tiết kiệm năng lượng. Để thoát khỏi chế độ chờ, chỉ cần chạm nút “Power (Nguồn)”.

## 6.13 Bật hoặc tắt âm báo

Bạn có thể chọn âm báo nếu cần:

1. Bật thiết bị.
2. Nhấn đồng thời hai nút “Sấy” và “I-Refresh” trong khoảng 3 giây. Màn hình sẽ hiển thị **ON**, âm báo được kích hoạt. Để tắt âm báo, nhấn lại cùng lúc hai nút này. Màn hình sẽ hiển thị **OFF**, âm báo được tắt.

## Hướng dẫn sử dụng ứng dụng

Tải về và cài đặt ứng dụng Haier Smart

Dùng điện thoại quét mã QR trên trang hướng dẫn để tải về và cài đặt ứng dụng Haier Smart.

Đăng ký và đăng nhập

Kết nối điện thoại với Wi-Fi gia đình; mở ứng dụng Haier Smart, đăng ký tài khoản và đăng nhập; nhấn giữ nút nguồn cho đến khi màn hình hiển thị mã C9; nhấn biểu tượng "+" ở góc trên bên phải, chọn mô-đun Wi-Fi tương ứng với máy. Máy sẽ tự động kết nối và ghép đôi với điện thoại rồi kết nối lại điện thoại với Wi-Fi gia đình. Cuối cùng, chọn chương trình Remote để sử dụng điều khiển từ xa.

**i** Việc đăng ký tài khoản chỉ cần thực hiện lần đầu tiên. Sau khi đăng ký thành công, bạn chỉ cần đăng nhập bằng tên người dùng và mật khẩu đã đăng ký để sử dụng ứng dụng.

Chức năng của ứng dụng

Điều khiển thiết bị: Chọn chế độ chương trình, cài đặt các thông số chương trình, bắt đầu chương trình, tạm dừng, tắt máy từ xa, v.v.

Xem trạng thái: Cho phép xem trạng thái hoạt động của thiết bị theo thời gian thực. Nhận thông tin: Nhận nhiều thông báo khác nhau, chẳng hạn như cảnh báo lỗi, v.v.

**i** Chức năng của ỨNG DỤNG sẽ được cập nhật liên tục theo việc nâng cấp phiên bản, và sẽ tùy thuộc vào chức năng thực tế của phiên bản tương ứng.



Mã QR để cài đặt ứng dụng Wi-Fi

## 8-Giặt tiết kiệm



### Sử dụng thiết bị có trách nhiệm với môi trường

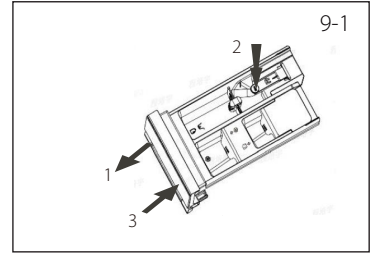
- ▶ Để sử dụng hiệu quả nhất về năng lượng, nước, chất giặt và thời gian, bạn nên giặt với khối lượng tối đa được khuyến nghị
- ▶ Không quá tải (đảm bảo khoảng trống một bàn tay giữa đồ giặt và đỉnh lồng giặt).
- ▶ Với đồ giặt bẩn nhẹ, hãy chọn chương trình Giặt nhanh 15'.
- ▶ Đo lường chính xác liều lượng của từng loại chất giặt tẩy.
- ▶ Chọn nhiệt độ giặt thấp nhất có thể - các chất giặt hiện đại có hiệu quả giặt sạch ở mức dưới 60°C.
- ▶ Chỉ tăng cài đặt mặc định khi vết bẩn quá nhiều.

# 9-Vệ sinh & Bảo dưỡng

## 9.1 Vệ sinh ngăn chứa bột/nước giặt

Luôn đảm bảo không còn cặn chất giặt trong ngăn chứa. Vệ sinh định kỳ theo các bước sau (Hình 9-1):

- ▶ Kéo ngăn chứa ra đến khi dừng lại.
- ▶ Nhấn nút nhả để tháo hoàn toàn ngăn ra ngoài.
- ▶ Xả sạch ngăn với nước cho đến khi sạch hoàn toàn, sau đó lắp lại vào máy



## 9.2 Vệ sinh máy

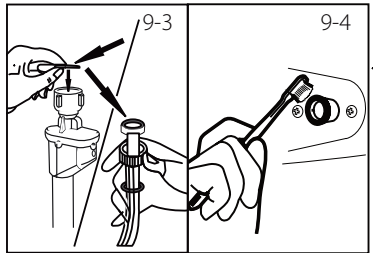
- ▶ Rút phích cắm điện trước khi vệ sinh hoặc bảo trì máy.
- ▶ Dùng khăn mềm với nước xà phòng để lau vỏ máy (Hình 9-2) và các bộ phận cao su.
- ▶ Không sử dụng hóa chất hữu cơ hoặc dung môi ăn mòn.



## 9.3 Van cấp nước và lưới lọc van cấp

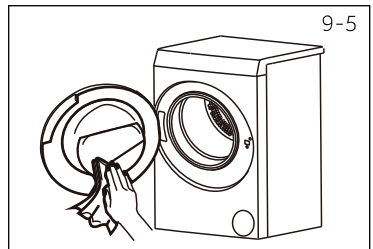
Để tránh tắc nghẽn nguồn nước do chất rắn như cặn vôi, hãy vệ sinh lưới lọc van cấp định kỳ:

- ▶ Rút phích cắm điện và tắt nguồn nước.
- ▶ Tháo ống cấp nước khỏi mặt sau máy và khỏi vòi nước (Hình 9-3).
- ▶ Rửa sạch lưới lọc bằng nước và bàn chải (Hình 9-4).
- ▶ Lắp lưới lọc lại và nối lại ống cấp nước.



## 9.4 Vệ sinh lồng giặt

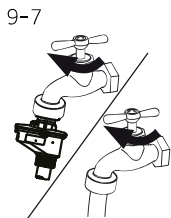
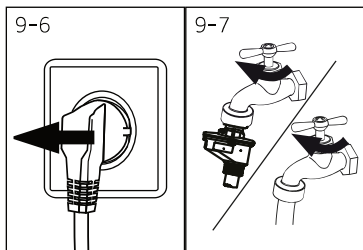
- ▶ Loại bỏ những vật bị giặt nhầm, đặc biệt là các vật kim loại như ghim, đồng xu, v.v. khỏi lồng giặt (Hình 9-5) vì có thể gây vết gỉ hoặc làm hỏng máy.
- ▶ Dùng dung dịch vệ sinh không chứa clo để loại bỏ các vết gỉ; tuân thủ các cảnh báo của nhà sản xuất chất vệ sinh.
- ▶ Không sử dụng vật cứng hoặc búi sắt (len thép) để vệ sinh.



### Lưu ý: Vệ sinh

Để bảo trì định kỳ, chúng tôi khuyến nghị chạy chương trình "Cotton + 90°C + 600 vòng/phút" sau mỗi 100 chu kỳ giặt, nhằm loại bỏ các cặn bẩn có thể gây ăn mòn. Cho một lượng nhỏ nước giặt vào ngăn chứa số 2 hoặc sử dụng dung dịch vệ sinh máy chuyên dụng.

## 9-Vệ sinh & Bảo dưỡng

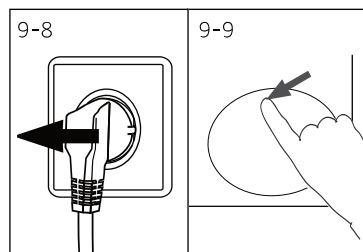


### 9.5 Không sử dụng trong thời gian dài

Nếu không sử dụng máy trong một thời gian dài, hãy thực hiện các bước sau:

1. Rút phích cắm điện (Hình 9-6).
2. Tắt nguồn cấp nước (Hình 9-7).
3. Mở cửa máy để tránh ẩm mốc và mùi hôi. Luôn để cửa mở khi máy không sử dụng.

Trước khi sử dụng lại, hãy kiểm tra kỹ dây nguồn, ống cấp nước, ống xả nước. Đảm bảo tất cả được lắp đặt đúng cách và không bị rò rỉ.



### 9.6 Bộ lọc bơm

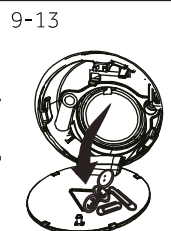
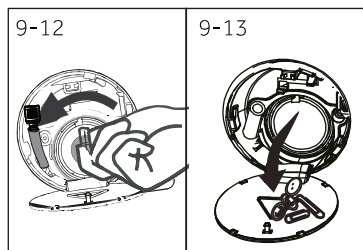
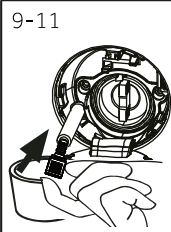
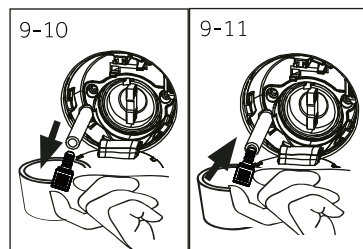
Hãy vệ sinh bộ lọc ít nhất mỗi tháng một lần và kiểm tra xem có các dấu hiệu sau không:

- ▶ Máy không xả nước.
- ▶ Máy không vắt.
- ▶ Máy phát ra tiếng ồn bất thường khi hoạt động.



### CẢNH BÁO!

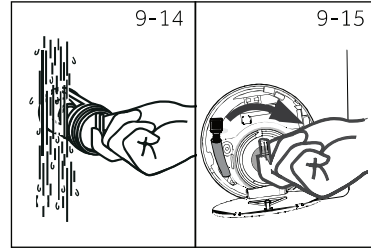
Nguy cơ bỏng! Nước trong bộ lọc bơm có thể rất nóng! Trước khi thực hiện bất kỳ thao tác nào, hãy đảm bảo rằng nước đã nguội hoàn toàn.



1. Tắt nguồn và rút phích cắm của máy (Hình 9-8).
2. Đẩy và mở nắp bảo dưỡng (Hình 9-9).
3. Chuẩn bị một khay phẳng để hứng nước thải (Hình 9-10), vì lượng nước có thể khá nhiều!
4. Kéo ống xả ra ngoài và giữ đầu ống cao hơn miệng khay (Hình 9-10).
5. Tháo nút bịt ở đầu ống xả (Hình 9-10).
6. Sau khi xả hết nước, đóng lại nút bịt và đẩy trở lại bên trong máy (Hình 9-11).
7. Vặn ngược chiều kim đồng hồ để tháo bộ lọc bơm (Hình 9-12).
8. Lấy hết cặn bẩn và dị vật ra khỏi bộ lọc (Hình 9-12).

## 9-Vệ sinh & Bảo dưỡng

9. Vệ sinh kỹ lưỡng bộ lọc bơm, ví dụ: rửa dưới vòi nước đang chảy (Hình 9-14).
10. Lắp lại bộ lọc một cách chắc chắn vào vị trí (Hình 9-15).
11. Đóng nắp bảo dưỡng lại.



### THẬN TRỌNG!

- ▶ Phần gioăng của bộ lọc bơm phải sạch và không bị hư hỏng. Nếu nắp không được vặn chặt hoàn toàn, nước có thể rò rỉ ra.
- ▶ Bộ lọc phải được lắp đúng vị trí, nếu không có thể gây ra tình trạng rò nước.

# 10-Xử lý sự cố

Người dùng có thể tự khắc phục nhiều sự cố xảy ra mà không cần chuyên môn kỹ thuật. Khi xảy ra vấn đề, vui lòng kiểm tra tất cả các khả năng được liệt kê và thực hiện theo các hướng dẫn dưới đây trước khi liên hệ với bộ phận dịch vụ sau bán hàng. Tham khảo mục DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG.



## CẢNH BÁO!

- ▶ Trước khi bảo trì, hãy tắt thiết bị và rút phích cắm điện ra khỏi ổ cắm.
- ▶ Chỉ chuyên viên kỹ thuật có trình độ mới được sửa chữa thiết bị điện vì việc sửa chữa không đúng cách có thể gây ra hư hại nghiêm trọng.
- ▶ Chỉ nhà sản xuất, đại lý dịch vụ được ủy quyền hoặc người có trình độ chuyên môn tương đương mới được thay thế dây nguồn bị hỏng để tránh nguy cơ mất an toàn.

## 10.1 Mã thông tin

Các mã dưới đây chỉ có tính chất thông báo liên quan đến chu trình giặt. Không cần thực hiện bất kỳ thao tác nào khi các mã này xuất hiện.

| Mã   | Thông báo                                                                              |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1:25 | Thời gian còn lại của chu trình giặt là 1 giờ 25 phút.                                 |
| 6:30 | Thời gian còn lại bao gồm cả thời gian hẹn giờ kết thúc là 6 giờ 30 phút.              |
| Auto | Chức năng nhận diện tải giặt tự động đang hoạt động (chỉ có ở một số chương trình).    |
| End  | Chu trình giặt đã hoàn tất. Thiết bị sẽ tự động tắt nguồn.                             |
| Lock | Cửa máy đang bị khóa do mực nước cao, nhiệt độ nước cao hoặc đang trong chu trình vắt. |
| OFF  | Âm báo đã được tắt.                                                                    |
| ON   | Âm báo đã được bật.                                                                    |
| CLot | Các nút chức năng đang bị khóa. Thay đổi chương trình không có hiệu lực.               |

## 10.2 Xử lý sự cố có mã hiển thị

| Sự cố            | Nguyên nhân                                                             | Giải pháp                                                                                                      |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>ELr FLtr</b>  | • Lỗi xả nước: nước không được xả hết trong vòng 6 phút                 | • Vệ sinh bộ lọc bơm<br>• Kiểm tra việc lắp đặt ống xả.                                                        |
| <b>E2</b>        | • Lỗi khóa cửa.                                                         | • Đóng cửa máy đúng cách.                                                                                      |
| <b>E4</b>        | • Mức nước không đạt mức yêu cầu sau 12 phút.<br>• Ống xả bị hút ngược. | • Đảm bảo vòi nước đã mở hoàn toàn và áp lực nước bình thường.<br>• Kiểm tra lại cách lắp đặt ống xả.          |
| <b>E8</b>        | • Lỗi mực nước bảo vệ.                                                  | • Liên hệ với bộ phận dịch vụ sau bán hàng.                                                                    |
| <b>E5</b>        | • Lỗi xả nước. Nước không xả hết trong 1 phút (chương trình I-Refresh). | • Vệ sinh bộ lọc bơm.<br>• Kiểm tra lại cách lắp đặt ống xả.                                                   |
| <b>F9</b>        | • Lỗi cảm biến nhiệt độ sấy.                                            | • Liên hệ với bộ phận dịch vụ sau bán hàng.                                                                    |
| <b>Fd</b>        | • Lỗi thanh đốt sấy.                                                    | • Liên hệ với bộ phận dịch vụ sau bán hàng.                                                                    |
| <b>F4</b>        | • Lỗi làm nóng                                                          | • Liên hệ với bộ phận dịch vụ sau bán hàng.                                                                    |
| <b>F7</b>        | • Lỗi động cơ.                                                          | • Liên hệ với bộ phận dịch vụ sau bán hàng.                                                                    |
| <b>FR</b>        | • Lỗi cảm biến mực nước                                                 | • Liên hệ với bộ phận dịch vụ sau bán hàng.                                                                    |
| <b>FH</b>        | • Lỗi cấu hình mô-đun IoT.                                              | • Liên hệ với bộ phận dịch vụ sau bán hàng.                                                                    |
| <b>FC0 , FC2</b> | • Lỗi giao tiếp bất thường.                                             | • Liên hệ với bộ phận dịch vụ sau bán hàng.                                                                    |
| <b>Eb</b>        | • Quần áo bị mắc kẹt                                                    | • Mở cửa máy, cho quần áo vào hoàn toàn bên trong lồng giặt, sau đó nhấn nút "Start" để tiếp tục chương trình. |
| <b>FE</b>        | • Lỗi ống thông hơi máy sấy nóng                                        | • Liên hệ với bộ phận dịch vụ sau bán hàng.                                                                    |
| <b>F12</b>       | • Phát hiện mực nước cao trong quá trình sấy.                           | • Xả nước, sau đó tiếp tục chương trình sấy.                                                                   |

# 10-Xử lý sự cố

## 10.3 Xử lý sự cố không có mã hiển thị

| Sự cố                                 | Nguyên nhân                                                                                                                                                                                                                              | Giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                |
|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Máy giặt không khởi động              | <ul style="list-style-type: none"><li>• Chương trình chưa được bắt đầu.</li><li>• Cửa máy chưa đóng kín.</li><li>• Chưa bật máy.</li><li>• Mất điện.</li><li>• Khóa trẻ em đang bật.</li></ul>                                           | <ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra và khởi động chương trình.</li><li>• Đóng cửa máy đúng cách.</li><li>• Bật nguồn máy.</li><li>• Kiểm tra nguồn điện.</li><li>• Tắt khóa trẻ em.</li></ul>                                               |
| Máy giặt không cấp nước               | <ul style="list-style-type: none"><li>• Không có nước.</li><li>• Ống cấp nước bị gấp.</li><li>• Lưới lọc ống cấp bị tắc.</li><li>• Áp lực nước dưới 0,03 MPa.</li><li>• Cửa máy chưa đóng kín.</li><li>• Sự cố nguồn cấp nước.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra vòi nước.</li><li>• Kiểm tra ống cấp nước.</li><li>• Làm sạch lưới lọc ống cấp.</li><li>• Kiểm tra áp lực nước.</li><li>• Đóng cửa máy đúng cách.</li><li>• Đảm bảo nguồn cấp nước hoạt động.</li></ul> |
| Máy xả nước khi đang cấp nước         | <ul style="list-style-type: none"><li>• Đầu ống xả đặt thấp hơn 80 cm.</li><li>• Đầu ống xả bị ngập trong nước.</li></ul>                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo lắp đặt ống xả đúng vị trí.</li><li>• Đảm bảo đầu ống xả không bị chìm trong nước.</li></ul>                                                                                                             |
| Không xả được nước                    | <ul style="list-style-type: none"><li>• Ống xả bị tắc.</li><li>• Bộ lọc bơm bị tắc.</li><li>• Đầu ống xả cao hơn mặt sàn 100 cm.</li></ul>                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"><li>• Thông ống xả.</li><li>• Vệ sinh bộ lọc bơm.</li><li>• Đảm bảo lắp đặt ống xả đúng độ cao.</li></ul>                                                                                                              |
| Rung lắc mạnh khi vắt                 | <ul style="list-style-type: none"><li>• Chưa tháo hết bu lông vận chuyển.</li><li>• Máy đặt không vững.</li><li>• Tải trọng không đều.</li></ul>                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"><li>• Tháo toàn bộ bu lông vận chuyển.</li><li>• Đặt máy trên nền phẳng, chắc chắn.</li><li>• Kiểm tra và điều chỉnh tải giặt.</li></ul>                                                                               |
| Máy dừng trước khi hoàn tất chu trình | <ul style="list-style-type: none"><li>• Mất nước hoặc điện.</li></ul>                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra nguồn nước và điện.</li></ul>                                                                                                                                                                           |
| Máy tạm dừng một khoảng thời gian     | <ul style="list-style-type: none"><li>• Có mã lỗi hiển thị.</li><li>• Do cách sắp xếp đồ giặt.</li><li>• Máy đang ở chu trình ngâm.</li></ul>                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra mã lỗi.</li><li>• Giảm hoặc điều chỉnh tải giặt.</li><li>• Hủy chương trình và khởi động lại.</li></ul>                                                                                                 |

| Sự cố                                                        | Nguyên nhân                                                                                                                                                                                                                            | Giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                          |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bọt quá nhiều tràn vào lồng giặt và/hoặc ngăn chứa chất giặt | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dùng sai loại chất giặt.</li> <li>• Dùng quá nhiều chất giặt.</li> </ul>                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xem khuyến nghị sử dụng chất giặt.</li> <li>• Giảm lượng chất giặt.</li> </ul>                                                                                                                                            |
| Máy tự điều chỉnh thời gian giặt                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thời gian chương trình giặt được điều chỉnh tự động.</li> </ul>                                                                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đây là hiện tượng bình thường, không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động.</li> </ul>                                                                                                                                        |
| Không vắt được                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quần áo bị mất cân bằng trong lồng giặt.</li> </ul>                                                                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra tải giặt và phân bố đều quần áo, sau đó chạy lại chương trình vắt.</li> </ul>                                                                                                                                    |
| Kết quả giặt không đạt yêu cầu                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Mức độ bẩn không phù hợp với chương trình đã chọn.</li> <li>• Dùng không đủ lượng chất giặt.</li> <li>• Vượt quá tải giặt cho phép.</li> <li>• Quần áo bị dồn cục trong lồng giặt.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn chương trình phù hợp hơn.</li> <li>• Chọn loại và lượng chất giặt phù hợp với mức độ bẩn, theo hướng dẫn của nhà sản xuất.</li> <li>• Giảm bớt lượng đồ giặt.</li> <li>• Tách rời và phân bố đều quần áo.</li> </ul> |
| Còn cặn bột giặt trên quần áo                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các hạt không tan của bột giặt có thể còn lại dưới dạng đốm trắng.</li> </ul>                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chạy thêm một chu trình xả.</li> <li>• Dùng bàn chải phủi nhẹ các đốm trên đồ khô.</li> <li>• Chuyển sang dùng loại chất giặt khác.</li> </ul>                                                                            |
| Quần áo có vết xám                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Gây ra bởi chất béo như dầu, kem dưỡng hoặc thuốc mỡ.</li> </ul>                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xử lý trước quần áo bằng chất tẩy chuyên dụng.</li> </ul>                                                                                                                                                                 |

## Lưu ý: Tạo bọt

Nếu phát hiện có quá nhiều bọt trong chu trình vắt, động cơ sẽ dừng và bơm xả sẽ hoạt động trong 90 giây để loại bỏ bọt. Nếu quá trình loại bỏ bọt thất bại đến 3 lần, chương trình sẽ kết thúc mà không thực hiện chu trình vắt.

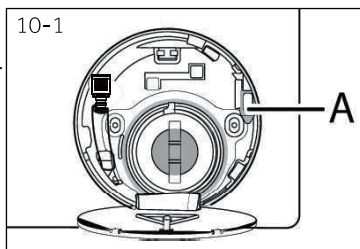
Nếu thông báo lỗi vẫn tiếp tục xuất hiện sau khi đã thực hiện các biện pháp khắc phục, hãy tắt thiết bị, ngắt nguồn điện và liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng để được hỗ trợ.

# 10-Xử lý sự cố

## 10.4 Trường hợp mất điện

Chương trình hiện tại và các cài đặt sẽ được lưu lại. Khi nguồn điện được khôi phục, máy sẽ tiếp tục hoạt động như trước đó.

Nếu mất điện khi máy đang chạy chương trình giặt, cửa máy sẽ bị khóa cơ học. Để lấy quần áo ra, cần đảm bảo không còn thấy mực nước qua cửa kính. - Nguy cơ bị bỏng! Phải xả bớt nước theo hướng dẫn trong mục “Bộ lọc bơm” trước. Chỉ sau đó, hãy kéo cần gạt (A) bên dưới nắp bảo dưỡng (Hình 9-1) cho đến khi nghe thấy tiếng “tách” nhẹ, báo hiệu cửa đã mở. Sau đó, lắp lại tất cả các bộ phận đúng vị trí.



Khi máy giặt ở trạng thái an toàn (mức nước nằm dưới mép dưới của cửa kính một khoảng nhất định, nhiệt độ lồng giặt dưới 55°C, và lồng giặt không quay), người dùng có thể mở cửa máy để thao tác.

## 11.1 Chuẩn bị

- ▶ Lấy thiết bị khỏi bao bì.
- ▶ Tháo toàn bộ vật liệu đóng gói, bao gồm cả màng bảo vệ trên vỏ máy và đế xốp polystyrene. Đảm bảo các vật liệu này được để xa tầm tay trẻ em. Trong quá trình mở bao bì, có thể thấy giọt nước đọng trên túi nhựa hoặc cửa kính máy – đây là hiện tượng bình thường, do thiết bị đã được kiểm tra bằng nước tại nhà máy.



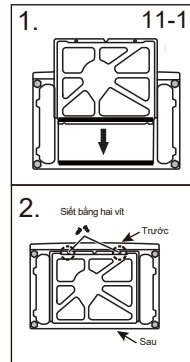
### Lưu ý: Thải bỏ bao bì

Giữ tất cả vật liệu đóng gói xa tầm tay trẻ em và thải bỏ chúng theo cách thân thiện với môi trường.

## 11.2 TÙY CHỌN: Điều chỉnh tấm che đáy máy

Khi mở bao bì, bạn sẽ thấy một tấm che đáy (A). Tấm này giúp giảm tiếng ồn sau khi được gắn vào đáy của máy giặt.

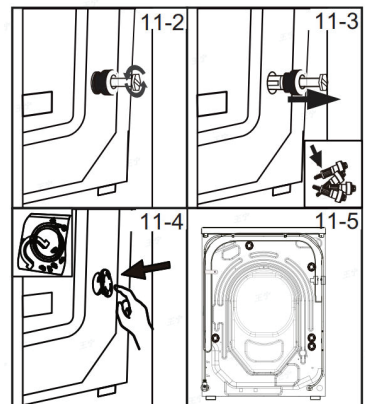
1. Đặt máy nằm nghiêng, sao cho cửa kính quay lên trên và mặt đáy hướng về phía người lắp đặt.
2. Lắp tấm đáy vào bên dưới thân máy, sau đó cố định bằng 2 vít ở phía bên có cửa kính. Dựng lại máy về vị trí thẳng đứng (Hình 11-1).



## 11.3 Tháo bu lông vận chuyển

Các bu lông vận chuyển được thiết kế để cố định bộ phận chống rung bên trong máy trong quá trình vận chuyển, nhằm tránh hư hỏng.

1. Tháo toàn bộ 4 bu lông ở mặt sau máy và lấy các gioăng nhựa ra (Hình 9-2 và 9-3).
2. Lắp các nút bịt vào các lỗ vừa tháo bu lông (Hình 9-4 và 9-5).



# 11-Lắp đặt

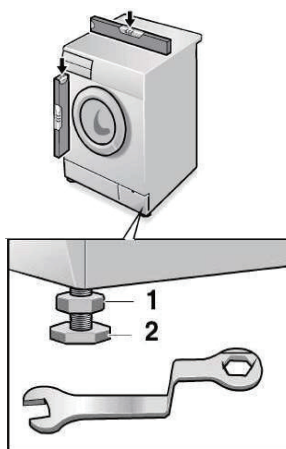
## **i** Lưu ý: Cất giữ ở nơi an toàn

Cất giữ tất cả các bộ phận bảo vệ vận chuyển ở nơi an toàn để sử dụng về sau. Bất cứ khi nào cần di chuyển thiết bị, hãy lắp lại các bộ phận bảo vệ này trước tiên.

### 11.4 Di chuyển thiết bị

Nếu cần di chuyển máy đến một vị trí xa, hãy lắp lại các bu lông vận chuyển đã tháo ra trước khi lắp đặt, nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển. Quá trình lắp lại được thực hiện theo thứ tự ngược với quá trình tháo ra.

11-7



### 11.5 Cân chỉnh thiết bị

Điều chỉnh tất cả các chân đế (Hình 11-7) để đảm bảo máy ở vị trí hoàn toàn cân bằng. Việc này sẽ giúp giảm rung lắc và tiếng ồn trong quá trình sử dụng, đồng thời giảm hao mòn thiết bị. Chúng tôi khuyến nghị sử dụng thước thủy để hỗ trợ việc cân chỉnh. Sàn nhà nên cứng và phẳng nhất có thể.

1. Nới lỏng đai ốc khóa (1) bằng cờ lê.
2. Xoay chân đế (2) để điều chỉnh độ cao phù hợp.
3. Siết chặt lại đai ốc khóa (1) vào thân máy để cố định.

## 11.6 Kết nối ống xả nước

Lắp ống xả nước vào đường ống nước. Ống xả phải đạt độ cao từ 80 cm đến 100 cm tính từ đáy máy giặt tại ít nhất một điểm. Nếu có thể, luôn cố định ống xả vào kẹp giữ phía sau máy để đảm bảo ổn định và tránh trượt.



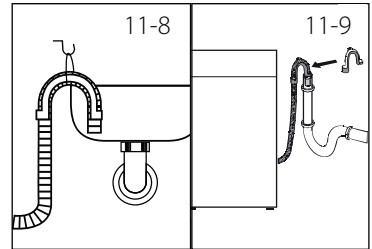
### CẢNH BÁO!

- Chỉ sử dụng bộ ống cấp nước đi kèm theo máy để kết nối.
- Không được tái sử dụng các bộ ống cũ!
- Chỉ kết nối với nguồn nước lạnh.
- Trước khi kết nối, kiểm tra nguồn nước có sạch và trong hay không.

Các kiểu kết nối có thể thực hiện gồm:

### 11.6.1 Kết nối ống xả vào bồn rửa

- Treo ống xả lên thành bồn rửa có kích thước phù hợp bằng giá đỡ hình chữ U (Hình 11-8).
- Đảm bảo cố định chắc chắn giá đỡ chữ U để tránh trượt.

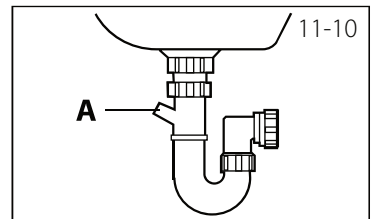


### 11.6.2 Kết nối ống xả vào ống thoát nước thải

- Đường kính trong của ống đứng (có lỗ thông khí) phải tối thiểu 40 mm.
- Lắp ống xả vào trong ống thoát nước từ 80 đến 100 mm.
- Gắn giá đỡ chữ U và cố định chắc chắn (Hình 11-9).

### 11.6.3 Kết nối ống xả vào ống thoát nước dưới bồn rửa

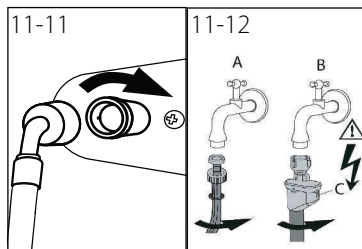
- Nối ống xả phía trên siphon.
- Đầu nối thường được bịt kín bằng một nút chặn (A) – cần tháo nút này ra để tránh sự cố thoát nước (Hình 11-10).
- Cố định ống xả bằng kẹp.



### THẬN TRỌNG!

- Ống xả không được ngập trong nước và phải được lắp chắc chắn để chống rò rỉ. Nếu ống xả được đặt trực tiếp trên sàn hoặc ống thoát nước nằm thấp hơn 80 cm, máy giặt sẽ liên tục xả nước khi đang cấp nước (hiện tượng tự hút – self-siphoning).
- Không được nối dài ống xả. Nếu cần, hãy liên hệ với bộ phận dịch vụ sau bán hàng để được hỗ trợ đúng kỹ thuật.

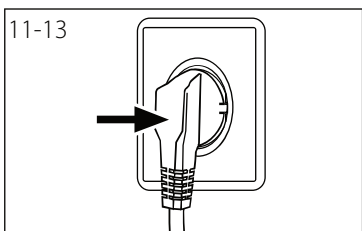
# 11-Lắp đặt



## 11.7 Kết nối nước sạch

Trước khi lắp đặt, đảm bảo các gioăng cao su đã được lắp đúng chỗ.

1. Kết nối đầu gấp của ống cấp nước vào máy giặt (Hình 11-11). Vặn chặt khớp nối bằng tay.
2. Đầu còn lại nối vào vòi nước có ren 3/4 inch (Hình 11-12).



## 11.8 Kết nối điện

Trước khi kết nối thiết bị với nguồn điện, hãy kiểm tra các điều kiện sau:

- ▶ nguồn điện, ổ cắm và cầu chì phải phù hợp với thông số ghi trên nhãn máy.
- ▶ Ổ cắm điện phải có tiếp đất an toàn, không dùng ổ chia điện hoặc dây nối dài.
- ▶ phích cắm và ổ cắm phải tương thích và khớp hoàn toàn



## CẢNH BÁO!

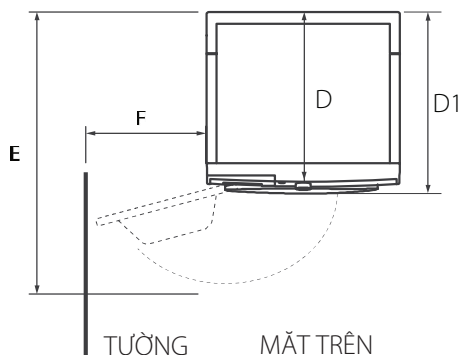
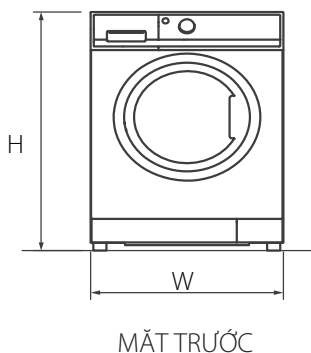
- ▶ Luôn đảm bảo tất cả các kết nối (nguồn điện, ống xả và ống cấp nước sạch) chắc chắn, khô ráo và không bị rò rỉ!
- ▶ Đảm bảo các bộ phận này không bị đè, gập hoặc xoắn trong quá trình lắp đặt và sử dụng.
- ▶ Nếu dây nguồn bị hỏng, phải được thay thế bởi đơn vị dịch vụ ủy quyền (xem thẻ bảo hành) để tránh nguy hiểm.

# 12-Thông số kỹ thuật

## 12.1 Thông số kỹ thuật bổ sung

|                       | AWD10-BP4377U1L      |
|-----------------------|----------------------|
| Điện áp (V)           | 220V/50Hz            |
| Dòng điện (A)         | 10                   |
| Công suất tối đa (W)  | 1850                 |
| Áp lực nước (Mpa)     | $0.03 \leq P \leq 1$ |
| Trọng lượng tịnh (kg) | 70                   |

## 12.2 Kích thước sản phẩm



| KÍCH THƯỚC SẢN PHẨM                                              | AWD10-BP4377U1L |
|------------------------------------------------------------------|-----------------|
| <b>H</b> Chiều cao tổng thể của sản phẩm mm                      | 850             |
| <b>W</b> Chiều rộng tổng thể của sản phẩm mm                     | 595             |
| <b>D</b> Độ sâu tổng thể (tính đến mặt bảng điều khiển chính) mm | 485             |
| <b>D1</b> Độ sâu tổng thể của sản phẩm mm                        | 502             |
| <b>E</b> Độ sâu khi mở cửa mm                                    | 1009            |
| <b>F</b> Khoảng cách tối thiểu từ cửa đến tường bên cạnh mm      | 275             |

Lưu ý: Chiều cao chính xác của máy giặt phụ thuộc vào mức độ điều chỉnh của chân đế so với đáy máy. Không gian nơi bạn lắp đặt máy giặt cần rộng hơn ít nhất 40 mm và sâu hơn ít nhất 20 mm so với kích thước tổng thể của máy.







# AQUA



0020506943KU